

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**

Số: **37** /NTP - HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2021*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY  
(06 tháng/năm)**

Kính gửi:       - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
                      - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty: Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
- Điện thoại: 0225.3852073 Fax: 0225.3640133 Email: [contact@nhuatienphong.vn](mailto:contact@nhuatienphong.vn)
- Vốn điều lệ: **1.177.961.830.000 đồng**
- Mã chứng khoán: NTP
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Ngày 19/4/2021, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên tại Hội trường lớn của Công ty, số 222 Mạc Đăng Doanh, Dương Kinh, Hải Phòng.

Tại Đại hội, các cổ đông đã tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua các tờ trình và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các mặt hoạt động của Công ty.

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày      | Nội dung                                                                                                       |
|-----|---------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 20/NQ-ĐHĐCĐTN-2021        | 19/4/2021 | Thông qua các báo cáo năm 2020, các kế hoạch năm 2021 và các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 06 tháng):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):

| STT | Thành viên HDQT    | Chức vụ            | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/ HDQT độc lập |                 |
|-----|--------------------|--------------------|---------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                    |                    | Ngày bổ nhiệm                                           | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Đặng Quốc Dũng     | Chủ tịch           |                                                         |                 |
| 2   | Noboru Kobayashi   | Phó Chủ tịch       |                                                         |                 |
| 3   | Chu Văn Phương     | Thành viên         |                                                         |                 |
| 4   | Trần Ngọc Bảo      | Thành viên         |                                                         |                 |
| 5   | Đào Anh Thắng      | Thành viên độc lập |                                                         |                 |
| 6   | Nguyễn Việt Phương | Thành viên         |                                                         |                 |

### 2. Các cuộc họp HDQT

| STT | Thành viên HDQT    | Số buổi họp HDQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Đặng Quốc Dũng     | 2                        | 100%              |                         |
| 2   | Noboru Kobayashi   | 2                        | 100%              |                         |
| 3   | Chu Văn Phương     | 2                        | 100%              |                         |
| 4   | Trần Ngọc Bảo      | 2                        | 100%              |                         |
| 5   | Đào Anh Thắng      | 2                        | 100%              |                         |
| 6   | Nguyễn Việt Phương | 2                        | 100%              |                         |

### 3. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Giám đốc:

#### 3.1. Phiên họp Hội đồng quản trị mở rộng ngày 16/01/2021

\* **Thành phần:** bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành.

\* **Nội dung:**

Phiên họp này, HDQT đã xem xét và cho ý kiến về một số nội dung sau:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ); Công ty TNHH Nhựa TNTP

miền Trung (Công ty con). Qua số liệu báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đánh giá cao những cố gắng của Ban điều hành và kết quả kinh doanh của năm 2020 của các đơn vị.

- Báo cáo tình hình tài chính năm 2020, tình hình thực hiện đầu tư năm 2020 của Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ).

- Báo cáo về kế hoạch đầu tư năm 2021 của Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ).

- Báo cáo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

### **3.2. Phiên họp Hội đồng quản trị mở rộng ngày 08/4/2021**

- \* **Thành phần:** bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành.

- \* **Nội dung:**

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 1 năm 2021 của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ); Công ty TNHH Nhựa TNTP miền Trung (Công ty con).

- Báo cáo tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Công ty mẹ).

- Thông qua các nội dung về công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

## **4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

### **4.1. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ:**

Trong 06 tháng đầu năm 2021, dưới sự chỉ đạo và giám sát của Ủy ban kiểm toán, Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện các công việc sau:

- Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và tình hình hoạt động của Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong miền Trung:

- Kiểm toán hoạt động Ban Nghiên cứu và Phát triển nhằm đánh giá công tác nghiên cứu thiết kế, quản lý thiết bị, khuôn mẫu.

- Kiểm toán hoạt động Ban Phát triển thị trường để đánh giá công tác phát triển thị trường, quản lý kênh bán hàng.

- Triển khai cập nhật Quy chế Kiểm toán nội bộ theo Thông tư 66/2020/TT-BTC trình Ủy ban kiểm toán xem xét.

- Bên cạnh đó, Ban KTNB đã thực hiện các khóa tự đào tạo nội bộ liên quan đến chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam, chính sách thuế hiện hành để nâng cao nghiệp vụ.

**5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng):**

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                       | Tỉ lệ thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | 01/QĐ-HĐQT                   | 13/01/2021 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Phó Trưởng ban Kiểm toán nội bộ              | 100%               |
| 2   | 07/QĐ-HĐQT                   | 26/01/2021 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc thành lập Ban tổ chức ĐHĐCD thường niên 2021          | 100%               |
| 3   | 11/QĐ-HĐQT                   | 03/02/2021 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc thành lập Nhóm thực hiện Báo cáo thường niên năm 2020 | 100%               |
| 4   | 14/QĐ-HĐQT                   | 14/04/2021 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc thành lập Ủy ban kiểm toán                            | 100%               |
| 5   | 15/QĐ-HĐQT                   | 14/04/2021 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán       | 100%               |
| 6   | 16/QĐ-HĐQT                   | 14/04/2021 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc giao nhiệm vụ cho Ủy ban kiểm toán                    | 100%               |
| 7   | 21/NQ-HĐQT                   | 20/4/2021  | Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2020               | 100%               |

|    |            |           |                                                                                                                                           |      |
|----|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8  | 23/QĐ-HĐQT | 24/4/2021 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc cử người đại diện phần vốn của Công ty CP Nhựa TNTP tại Công ty CP Công nghệ thiết bị Tiền Phong | 100% |
| 9  | 27/QĐ-HĐQT | 13/5/2021 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2020                                                          | 100% |
| 10 | 28/QĐ-HĐQT | 01/6/2021 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế Quản lý cán bộ áp dụng đối với các thành viên Ban Điều hành                     | 100% |
| 11 | 29/QĐ-HĐQT | 21/6/2021 | Quyết định của Hội đồng quản trị về việc thành lập Tổ trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị                                                   | 100% |

### III. Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 06 tháng):

#### 1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán:

| STT | Thành viên Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ    | Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán | Trình độ chuyên môn         |
|-----|-----------------------------|------------|---------------------------------------------|-----------------------------|
| 1   | Đào Anh Thắng               | Chủ tịch   | 14/04/2021                                  | Thạc sĩ Phân tích tài chính |
| 2   | Nguyễn Việt Phương          | Thành viên | 14/04/2021                                  | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh |

## 2. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

| STT | Thành viên Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Đào Anh Thắng               | 1 (*)               | 100%              | 100%             |                         |
| 2   | Nguyễn Việt Phương          | 1 (*)               | 100%              | 100%             |                         |

(\*): *Họp trực tuyến thống nhất quy chế hoạt động của UBKT và thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ.*

## 3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát việc tổ chức các phiên họp của HĐQT, việc ban hành Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành trong 06 tháng đầu năm.
- Giám sát việc triển khai hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành công ty của Ban Điều hành.
- Thông qua hoạt động giám sát, HĐQT đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Luật định, phù hợp với quy định của pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty.
- Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ, tích cực triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, thực hiện công tác quản lý điều hành theo quy định của pháp luật
- Trong 06 tháng đầu năm 2021, Ủy ban kiểm toán không nhận được đơn thư khiếu nại của cổ đông.

## 4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ủy ban kiểm toán đã nhận được sự hỗ trợ, phối hợp từ HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác trong quá trình thực hiện chức năng, quyền hạn theo quy định. Ủy ban kiểm toán đã chủ động thông báo, trao đổi, thống nhất với HĐQT, Ban điều hành, cán bộ quản lý về kế hoạch kiểm tra giám sát. Đồng thời, Ủy ban kiểm toán đã được cung cấp kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu.

## 5. Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán (nếu có):

Chỉ đạo và giám sát Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện các hoạt động kiểm toán nhằm đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

#### IV. Ban Điều hành:

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn                                  | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Chu Văn Phương           | 26/5/1972           | Thạc sỹ Kinh tế                                      | 01/01/2019                                         |
| 2   | Nguyễn Văn Thúc          | 24/02/1969          | Cử nhân Kinh tế lao động                             | 14/10/2015                                         |
| 3   | Ngô Thị Thu Thủy         | 28/9/1970           | Kỹ sư Công nghệ hóa học, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp | 22/7/2014                                          |
| 4   | Trần Nhật Ninh           | 14/01/1971          | Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp            | 22/7/2014                                          |
| 5   | Trần Ngọc Bảo            | 05/8/1976           | Cử nhân Kinh tế, Kiểm toán viên cấp Nhà nước         | 06/4/2012                                          |

#### IV. Kế toán trưởng:

| Họ và tên     | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ                | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|---------------|---------------------|----------------------------------------------|---------------------------|
| Trần Ngọc Bảo | 05/8/1976           | Cử nhân Kinh tế, Kiểm toán viên cấp Nhà nước | 06/4/2012                 |

V. Đào tạo về quản trị công ty: Không có.

VI. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 06 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty.

1. Danh sách về người có liên quan của công ty (theo Phụ lục 01 - Danh sách người nội bộ và người có liên quan 06 tháng năm 2021 đính kèm).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm giữ quyền kiểm soát: Không có

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có

VII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 06 tháng)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (theo Phụ lục 01 - Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan 06 tháng năm 2021 đính kèm)

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ                  | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |           | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |           | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|-------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------------------|-----------|----------------------------------------------------|
|     |                           |                                           | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ (%) |                                                    |
| 1   | Tổng Thị Thu Hoài         | Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ           | 0                         | 0         | 700                        | 0,0006    | Mua để tăng tỉ lệ sở hữu                           |
| 2   | Trần Thị Hoài Thu         | Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ           | 44.426                    | 0,038     | 45.426                     | 0,038     | Mua để tăng tỉ lệ sở hữu                           |
| 3   | Trần Thị Hoài Anh         | Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ           | 0                         | 0         | 1.000                      | 0,0008    | Mua để tăng tỉ lệ sở hữu                           |
| 4   | Nguyễn Thị Hạnh Nguyên    | Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ           | 0                         | 0         | 1.000                      | 0,0008    | Mua để tăng tỉ lệ sở hữu                           |
| 5   | Đỗ Thị Thủy               | Vợ ông Trần Nhật Ninh – Phó Tổng Giám đốc | 542                       | 0,0004    | 59.542                     | 0,05      | Nhận chuyển nhượng để tăng tỉ lệ sở hữu            |
| 6   | Công đoàn Công ty         | Người nội bộ                              | 1.006.000                 | 0,854     | 1.049.400                  | 0,89      | Mua để tăng tỉ lệ sở hữu                           |
| 7   | Công đoàn Công ty         | Người nội bộ                              | 1.049.400                 | 0,89      | 1.222.400                  | 1,03      | Mua để tăng tỉ lệ sở hữu                           |

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Ban NSCL



CHỦ TỊCH HĐQT 8  
Đặng Quốc Dũng

**PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN 06 THÁNG NĂM 2021**

| TT       | Họ tên                | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                 | Địa chỉ liên hệ                        | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú                 |
|----------|-----------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------|
| <b>I</b> | <b>Đặng Quốc Dũng</b> | <b>044C703666</b>                                    | <b>Chủ tịch<br/> HĐQT</b>             | <b>031068000668 cấp ngày<br/>06/3/2015 tại Hải Phòng</b> | <b>Số 55 Văn Cao, Hải Phòng</b>        | <b>8.096.335</b>                    | <b>6,87</b>                                | <b>Người nội<br/>bộ</b> |
| 1        | Đặng Quốc Nhuận       |                                                      |                                       | 030083812 cấp ngày<br>29/8/2007 ở Hải Phòng              | Số 9 Văn Cao, Ngô Quyền,<br>Hải Phòng  |                                     |                                            | Bố đẻ                   |
| 2        | Nguyễn Thị Quyên      |                                                      |                                       | 030074512 cấp ngày<br>16/5/2007 ở Hải Phòng              | Số 9 Văn Cao, Ngô Quyền,<br>Hải Phòng  |                                     |                                            | Mẹ đẻ                   |
| 3        | Đặng Quốc Hùng        |                                                      |                                       | 030671065 cấp ngày<br>03/01/2009 tại Hải Phòng           |                                        |                                     |                                            | Anh trai                |
| 4        | Đặng Quốc Khánh       |                                                      |                                       | 013221037 cấp ngày<br>28/7/2009 tại Hà Nội               | Số 11 Văn Cao, Ngô Quyền,<br>Hải Phòng |                                     |                                            | Em trai                 |
| 5        | Lê Thị Thúy Hải       | 044C702888                                           |                                       | 030773976 cấp ngày,<br>04/5/2009 tại Hải Phòng           | Số 55 Văn Cao, Hải Phòng               | 8.393.648                           | 7,125                                      | Vợ                      |



| TT | Họ tên              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có)                           | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                            | Địa chỉ liên hệ                                    | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú |
|----|---------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
| 6  | Đặng Quốc Minh      | 044C222466                                           | Người<br>phụ trách<br>quản trị<br>Công ty,<br>Thư ký<br>Công ty | 031093006642 cấp ngày<br>08/11/2017 cấp tại Công<br>an TP Hải Phòng | Số 55 Văn Cao, Hải Phòng                           | 4.201.200                           | 3,57                                       | Con đẻ  |
| 7  | Đặng Thị Minh Hương | 044C024568                                           | Thành<br>viên Ban<br>Kiểm<br>toán nội<br>bộ                     | 031888457 cấp ngày<br>08/10/2012 tại Hải Phòng                      | Số 5 Lê Ngô Cát, Phường 7,<br>Quận 3, Hồ Chí Minh  | 2.400.000                           | 2,04                                       | Con đẻ  |
| 8  | Đào Thị Thanh Ngân  |                                                      | Trưởng<br>ban<br>NSCL                                           | 013208928 cấp ngày<br>18/7/2009 tại Hà Nội                          | Số 11 Văn Cao, Ngô Quyền,<br>Hải Phòng             |                                     |                                            | Em dâu  |
| 9  | Vũ Thị Thanh Thủy   |                                                      |                                                                 | 031172002996 cấp ngày<br>19/12/2016                                 | Số 25 ngõ 2 Văn Cao, Đằng<br>Giang, Ngô Quyền, Hải |                                     |                                            | Chị dâu |

| TT | Họ tên                           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp          | Địa chỉ liên hệ                                                  | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú                                        |
|----|----------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------|
|    |                                  |                                                      |                                       |                                                   | Phòng                                                            |                                     |                                            |                                                |
| 10 | Công ty CP Nhựa<br>TNTP phía Nam | 044C602688                                           |                                       | 3700829126 cấp ngày<br>11/9/2017 tại Bình Dương   | Khu CN Đồng An II, Bình<br>Dương                                 | 6.671.509                           | 5,664                                      | Liên quan<br>ông Dũng<br>(là chủ tịch<br>HDQT) |
| II | Chu Văn Phương                   | 012C011037                                           | Thành<br>viên<br>HDQT,<br>TGD         | 031910338 cấp ngày<br>13/02/2012 tại Hải<br>Phòng | Số 450 Phú Thượng Đoàn,<br>Hải Phòng                             | 960.623                             | 0,815                                      | Người nội<br>bộ                                |
| 1  | Chu Hồng Đệ                      |                                                      |                                       | B9290061 cấp ngày<br>4/7/2014 tại Cục QLXNC       | Thôn Lạc Nhuế - Xã Đồng<br>Hóa – Huyện Kim Bảng -<br>Tỉnh Hà Nam |                                     |                                            | Bố đẻ                                          |
| 2  | Nguyễn Thị Khả                   |                                                      |                                       | B9290062 cấp ngày<br>4/7/2014 tại Cục QLXNC       | Thôn Lạc Nhuế - Xã Đồng<br>Hóa – Huyện Kim Bảng -<br>Tỉnh Hà Nam |                                     |                                            | Mẹ đẻ                                          |

| TT | Họ tên           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp             | Địa chỉ liên hệ                                                  | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú |
|----|------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
| 3  | Chu Thị Loan     |                                                      |                                       | 035173000435 cấp ngày<br>9/5/2016 tại Hà nam         | Thôn Lạc Nhuế - Xã Đồng<br>Hóa – Huyện Kim Bảng -<br>Tỉnh Hà Nam |                                     |                                            | Chị gái |
| 4  | Chu Thị Kim Anh  |                                                      |                                       | 168278513 cấp ngày<br>7/3/2006 tại CA tỉnh Hà<br>Nam | Thôn Lạc Nhuế - Xã Đồng<br>Hóa – Huyện Kim Bảng -<br>Tỉnh Hà Nam |                                     |                                            | Em gái  |
| 5  | Chu Văn Đông     |                                                      |                                       | 168205531 cấp ngày<br>1/12/2014 tại tỉnh Hà<br>Nam   | Thôn Lạc Nhuế - Xã Đồng<br>Hóa – Huyện Kim Bảng -<br>Tỉnh Hà Nam |                                     |                                            | Em trai |
| 6  | Chu Văn Nam      |                                                      |                                       | 168205531 cấp ngày<br>18/10/2000 tại tỉnh Hà<br>Nam  | Số 450 Phú Thượng Đoàn,<br>Hải Phòng                             |                                     |                                            | Em trai |
| 7  | Nguyễn Bích Thủy | 012C001856                                           |                                       | 031007150 cấp ngày<br>27/6/1994 tại Hải Phòng        | Số 5/118 Cát Cụt, Hải Phòng                                      | 4.836                               | x                                          | Vợ      |
| 8  | Chu Minh Hằng    |                                                      |                                       | C0919904 cấp ngày                                    | 21B, Miếu Hai Xã, Lê Chân,                                       |                                     |                                            | Con đẻ  |

| TT | Họ tên          | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                                                   | Địa chỉ liên hệ                  | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú |
|----|-----------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|    |                 |                                                      |                                       | 8/9/2015 tại Cục QLXNC                                                                     | Hải Phòng                        |                                     |                                            |         |
| 9  | Chu Quang Minh  |                                                      |                                       | C1496571 cấp ngày<br>20/4/2016 tại Cục<br>QLXNC                                            | Số 5/118 Cát Cụt, Hải Phòng      |                                     |                                            | Con đẻ  |
| 10 | Chu Phương Linh |                                                      |                                       | C3222319 cấp ngày<br>19/4/2017 tại Cục<br>QLXNC                                            | Số 5/118 Cát Cụt, Hải Phòng      |                                     |                                            | Con đẻ  |
| 11 | Nguyễn Đình Thi |                                                      |                                       | CMT số 031976747 cấp<br>ngày 1/8/2013 tại Công<br>An TP Hải Phòng.                         | Số 5/118 Cát Cụt, Hải Phòng      |                                     |                                            | Bố vợ   |
| 12 | Vũ Thị Minh Hà  | 012C003365                                           |                                       | Số CDCC: 031149002189<br>cấp ngày 23/9/2019 tại<br>Cục CS ĐKQL cư trú và<br>DLQG về dân cư | Số 7/118 Cát Cụt, Hải Phòng      | 5.979                               | x                                          | Mẹ vợ   |
| 13 | Nguyễn Văn Hùng |                                                      |                                       | Số CDCC: 035071000454<br>cấp ngày 28/04/2016 tại                                           | Xã Đồng Hóa, Kim Bảng, Hà<br>Nam |                                     |                                            | Em rể   |

| TT | Họ tên                                               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                                                    | Địa chỉ liên hệ                      | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú                        |
|----|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|
|    |                                                      |                                                      |                                       | Cục CS ĐKQL cư trú và<br>DLQG về dân cư                                                     |                                      |                                     |                                            |                                |
| 14 | Trần Văn Thương                                      |                                                      |                                       | Số CMT 168086402 cấp<br>ngày 23/06/2014 tại Công<br>An Hà Nam                               | Xã Đồng Hóa, Kim Bảng, Hà<br>Nam     |                                     |                                            | Em rể                          |
| 15 | Vũ Thị Xuân                                          |                                                      |                                       | Số CMT 168035293 cấp<br>ngày 24/06/2013 tại Công<br>An Hà Nam                               | Xã Lê Hồ, Kim Bảng, Hà<br>Nam        |                                     |                                            | Em dâu                         |
| 16 | Bùi Thị Quyến                                        |                                                      |                                       | Số CCCD: 031188010632<br>cấp ngày 15/06/2020 tại<br>Cục CS ĐKQL cư trú và<br>DLQG về dân cư | Số 450 Phủ Thượng Đoạn,<br>Hải Phòng |                                     |                                            | Em dâu                         |
| 17 | Công ty CP Nhựa<br>Thiếu niên Tiền Phong<br>phía Nam | 044C602688                                           |                                       | 3700829126 cấp ngày<br>11/9/2017 tại Bình Dương                                             | Khu CN Đồng An II, Bình<br>Dương     | 6.671.509                           | 5,664                                      | Liên quan<br>ông<br>Phượng (là |

| TT  | Họ tên                                                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp       | Địa chỉ liên hệ                                                                  | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú                                               |
|-----|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|     |                                                          |                                                      |                                       |                                                |                                                                                  |                                     |                                            | thành viên<br>HĐQT)                                   |
| 18  | Công ty TNHH Nhựa<br>Thiếu niên Tiền Phong<br>miền Trung |                                                      |                                       | 2901503027 cấp ngày<br>19/3/2012               | Khu CN Nam Cẩm, tỉnh<br>Nghệ An                                                  |                                     |                                            | Liên quan<br>ông<br>Phương (là<br>Chủ tịch<br>HĐTV)   |
| 19  | Công ty CP Phụ gia<br>nhựa                               |                                                      |                                       | 2500287403 cấp ngày<br>12/7/2007               | Thôn Minh Quyết, phường<br>Khai Quang,<br>TP Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.                |                                     |                                            | Liên quan<br>ông<br>Phương (là<br>thành viên<br>HĐQT) |
| III | Noboru Kobayashi                                         |                                                      | Phó Chủ<br>tịch<br>HĐQT               | TZ 2059272 cấp ngày<br>08/01/2021 tại Nhật Bản | 2211 Lancaster Hanoi, 20<br>Núi Trúc Str, Giang Vo<br>Ward, Ba Đình Dist, Hà Nội |                                     |                                            | Người nội<br>bộ                                       |

| TT | Họ tên             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoản (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                                           | Số cổ<br>phiếu số<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú  |
|----|--------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|----------|
| 1  | Hiroko Kobayashi   |                                                      |                                       |                                          | 6-13-5 Kouyoudai, Izumi<br>Ward, Sendai City, Miyagi<br>Pref, Japan       |                                     |                                            | Mẹ đẻ    |
| 2  | Kiyoko Kobayashi   |                                                      |                                       |                                          | 2-10-3 Higashimita, Tama<br>Ward, Kawasaki<br>City, Kanagawa Pref, Japan. |                                     |                                            | Vợ       |
| 3  | Sakina Kobayashi   |                                                      |                                       |                                          | Same as above                                                             |                                     |                                            | Con gái  |
| 4  | Syunsuke Kobayashi |                                                      |                                       |                                          | Naka ward , Nagoya<br>City, Aichi Pref, Japan.                            |                                     |                                            | Con trai |
| 5  | Osamu Kobayashi    |                                                      |                                       |                                          | Chigusa Ward, Nagoya<br>City, Aichi Pref , Japan                          |                                     |                                            | Anh trai |
| 6  | Ritsuko Kobayashi  |                                                      |                                       |                                          | Chiyoda Ward, Tokyo Metro,<br>Japan                                       |                                     |                                            | Chị dâu  |
| 7  | Yoshiro Tanabe     | Nothing                                              | Nothing                               |                                          | Aoyagi, Aomori<br>City, Aomori Pref, Japan                                |                                     |                                            | Bố vợ    |

| TT | Họ tên                           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có)       | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                                                 | Địa chỉ liên hệ                        | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú                                                            |
|----|----------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 8  | Masako Tanabe                    | Nothing                                              | Nothing                                     |                                                                                          | Same as Above                          |                                     |                                            | Mẹ vợ                                                              |
| 9  | SEKISUI CHEMICAL<br>CO.,LTD      | 009FCB2533                                           |                                             | 1200-01-059650 cấp ngày<br>03/3/1947                                                     | Osaka, Nhật Bản                        | 17.669.580                          | 15,00                                      | Liên quan<br>đến ông<br>Noboru<br>Kobayashi                        |
| 10 | Công ty CP Nhựa<br>TNTP phía Nam | 044C602688                                           |                                             | 3700829126 cấp ngày<br>11/9/2017 tại Bình Dương                                          | Khu CN Đồng An II, Bình<br>Dương       | 6.671.509                           | 5,664                                      | Liên quan<br>ông Noboru<br>Kobayashi<br>(là thành<br>viên<br>HĐQT) |
| IV | Trần Ngọc Bảo                    | 005C166686                                           | Thành<br>viên<br>HĐQT,<br>Kế toán<br>trưởng | 031076001165 cấp ngày<br>13/05/2015 tại Cục cảnh<br>sát ĐKQL cư trú và<br>DLQG về dân cư | Số 39/45 Đình Tiên Hoàng,<br>Hải Phòng | 264.000                             | 0,224                                      | Người nội<br>bộ                                                    |

| TT | Họ tên            | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp          | Địa chỉ liên hệ                             | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú |
|----|-------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
| 1  | Phạm Thị Nga      |                                                      |                                       | 030084249 cấp ngày<br>01/08/2011 tại Hải Phòng    | Số 39/45 Đình Tiên Hoàng,<br>Hải Phòng      |                                     |                                            | Mẹ đẻ   |
| 2  | Trần Bảo Ngọc     |                                                      |                                       | 031032537 cấp ngày<br>05/12/2009 tại Hải Phòng    | Số 39/45 Đình Tiên Hoàng,<br>Hải Phòng      |                                     |                                            | Em gái  |
| 3  | Tô Thị Thu Thảo   |                                                      |                                       | 031179000817 cấp ngày<br>12/03/2015 tại Hải Phòng | Số 39/45 Đình Tiên Hoàng,<br>Hải Phòng      |                                     |                                            | Vợ      |
| 4  | Trần Khánh Linh   |                                                      |                                       | 031304003778 cấp ngày<br>26/06/2019 tại Hải Phòng | Số 39/45 Đình Tiên Hoàng,<br>Hải Phòng      |                                     |                                            | Con     |
| 5  | Trần Ngọc Bảo Nam |                                                      |                                       | 2014                                              | Số 39/45 Đình Tiên Hoàng,<br>Hải Phòng      |                                     |                                            | Con     |
| 6  | Tô Văn Liên       |                                                      |                                       | 030577224 cấp ngày<br>24/10/2007 tại Hải Phòng    | 118 Lý Thường Kiệt, Hồng<br>Bàng, Hải Phòng |                                     |                                            | Bố vợ   |
| 7  | Nguyễn Thị Lâm    |                                                      |                                       | 030081067 cấp ngày                                | 118 Lý Thường Kiệt, Hồng                    |                                     |                                            | Mẹ vợ   |

| TT | Họ tên                             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có)                    | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                       | Địa chỉ liên hệ                                                                             | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú                                         |
|----|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|    |                                    |                                                                         |                                       | 01/10/2008 tại Hải Phòng                                       | Bàng, Hải Phòng                                                                             |                                     |                                            |                                                 |
| 8  | Võ Tiến Dũng                       |                                                                         |                                       | 031080007466 cấp ngày<br>23/4/2019 tại Hải Phòng               | 9B/339 Miếu Hai Xã,<br>phường Dư Hàng Kênh, Lê<br>Chân, Hải Phòng                           |                                     |                                            | Em rể                                           |
| 9  | Công ty Cấp nước<br>Nam Định       |                                                                         |                                       | 0600008000 cấp ngày<br>29/12/2017 tại Sở KHĐT<br>tỉnh Nam Định | Số 30 đường Cù Chính Lan,<br>phường Trần Tế Xương, TP<br>Nam Định, tỉnh Nam Định            |                                     |                                            | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>thành viên<br>HDQT) |
| 10 | Công ty cổ phần đầu<br>tư đơn giản | MBS:<br>005C168666<br><br>VCBS:<br>009C399799<br><br>VPS:<br>026C095689 |                                       | 0201783431 cấp ngày<br>21/4/2017 tại SKHĐT TP.<br>Hải Phòng    | Lô 8A, A2-19 đường Lê<br>Hồng Phong, Phường Đằng<br>Giang, Quận Ngô Quyền, Tp.<br>Hải Phòng |                                     |                                            | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>Chủ tịch<br>HDQT)   |

| TT | Họ tên                                                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                      | Địa chỉ liên hệ                                                  | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú                                                 |
|----|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 11 | Công ty cổ phần Công<br>nghệ thiết bị Tiên<br>Phong      |                                                      |                                       | 0200153652 cấp ngày<br>20/07/2017 tại Sở KHĐT<br>TP Hải Phòng | Số 36 Máy Tơ, phường Máy<br>Tơ, quận Ngô Quyền, TP.<br>Hải Phòng |                                     |                                            | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>Trưởng<br>Ban Kiểm<br>soát) |
| 12 | Công ty CP Nhựa<br>TNTTP phía Nam                        | 044C602688                                           |                                       | 3700829126 cấp ngày<br>11/9/2017 tại Bình Dương               | Khu CN Đồng An II, Bình<br>Dương                                 | 6.671.509                           | 5,664                                      | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>Trưởng<br>BKS)              |
| 13 | Công ty TNHH Bất<br>động sản Tiên Phong                  | x                                                    |                                       | 0201633845 cấp ngày<br>18/5/2015                              | Số 02 An Đà, Hải Phòng                                           |                                     |                                            | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>Chủ tịch<br>HĐTV)           |
| 14 | Công ty TNHH Nhựa<br>Thiếu niên Tiên Phong<br>miền Trung |                                                      |                                       | 2901503027 cấp ngày<br>19/3/2012                              | Khu CN Nam Cẩm, tỉnh<br>Nghệ An                                  |                                     |                                            | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>Thành viên                  |

| TT | Họ tên                               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có)           | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                         | Địa chỉ liên hệ                                                | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú                                       |
|----|--------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|    |                                      |                                                      |                                                 |                                                                  |                                                                |                                     |                                            | HĐTV)                                         |
| 15 | Công ty Cổ phần bao<br>bì Tiên Phong |                                                      |                                                 | 0200590620 cấp ngày<br>27/07/2004                                | Số 02 An Đà, Hải Phòng                                         |                                     |                                            | Liên quan<br>ông Bảo (là<br>Chủ tịch<br>HĐQT) |
| V  | Nguyễn Việt Phương                   |                                                      | Thành<br>viên<br>HĐQT,<br>Thành<br>viên<br>UBKT | 011944588 cấp ngày<br>16/6/2011 tại Công an<br>thành phố Hà Nội  | P 1201, 15T Nguyễn Thị<br>Định, Trung Hòa, Cầu<br>Giấy, Hà Nội |                                     |                                            | Người nội<br>bộ                               |
| 1  | Nguyễn Văn Hùng                      |                                                      |                                                 | 011683275 cấp ngày<br>05/01/2007 tại Công an<br>thành phố Hà Nội | Số 9 lô TT6 Bắc Linh Đàm,<br>Đại Kim, Hoàng Mai, Hà<br>Nội     |                                     |                                            | Bố đẻ                                         |
| 2  | Chu Thị Kim Thoa                     |                                                      |                                                 | 001149000344 cấp ngày                                            | Số 9 lô TT6 Bắc Linh Đàm,                                      |                                     |                                            | Mẹ đẻ                                         |

| TT | Họ tên                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                   | Địa chỉ liên hệ                                                                          | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú  |
|----|-------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|----------|
|    |                         |                                                      |                                       | 18/8/2014 tại Cục cảnh<br>sát ĐKQLCT và DLQG<br>về dân cư | Đại Kim, Hoàng Mai, Hà<br>Nội                                                            |                                     |                                            |          |
| 3  | Nguyễn Thành Lê         |                                                      |                                       | 011625112 cấp ngày<br>10/4/2006 tại Công an TP<br>Hà Nội  | Phòng 0917 sảnh R2B, Royal<br>City 72A Nguyễn Trãi,<br>Thượng Đình Thanh Xuân,<br>Hà Nội |                                     |                                            | Anh trai |
| 4  | Nguyễn Văn Phong        |                                                      |                                       | 011963842 cấp ngày<br>26/2/2009 tại Công an TP<br>Hà Nội  | Số 9 lô TT6 Bắc Linh Đàm,<br>Đại Kim, Hoàng Mai, Hà<br>Nội                               |                                     |                                            | Anh trai |
| 5  | Đặng Thị Thu Phương     |                                                      |                                       | 012087272 cấp ngày<br>20/01/2006 tại Công an<br>TP Hà Nội | P 1201, 15T Nguyễn Thị<br>Định, Trung Hòa, Cầu Giấy,<br>Hà Nội                           |                                     |                                            | Vợ       |
| 6  | Nguyễn Đặng Ngọc<br>Mai |                                                      |                                       | Học sinh                                                  | P 1201, 15T Nguyễn Thị<br>Định, Trung Hòa, Cầu Giấy,                                     |                                     |                                            | Con      |

| TT | Họ tên                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                               | Địa chỉ liên hệ                                                                | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú |
|----|--------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|    |                          |                                                      |                                       |                                                                        | Hà Nội                                                                         |                                     |                                            |         |
| 7  | Nguyễn Đặng Ngọc<br>Trâm |                                                      |                                       | Học sinh                                                               | P 1201, 15T Nguyễn Thị<br>Định, Trung Hòa, Cầu Giấy,<br>Hà Nội                 |                                     |                                            | Con     |
| 8  | Đặng Thế Dũng            |                                                      |                                       | 034054002943 cấp ngày<br>5/10/2016 tại Hà Nội                          | 462/35/2 Đường Bưởi, Ba<br>Đình, Hà Nội                                        |                                     |                                            | Bố vợ   |
| 9  | Nguyễn Thị Bích          |                                                      |                                       | 034154000621 cấp ngày<br>11/12/2014 tại Hà Nội                         | 462/35/2 Đường Bưởi, Ba<br>Đình, Hà Nội                                        |                                     |                                            | Mẹ vợ   |
| 10 | Vũ Minh Thảo             |                                                      |                                       | 012999860 cấp ngày<br>21/2/2008 tại Hà Nội                             | Số 9 lô TT6 Bắc Linh Đàm,<br>Đại Kim, Hoàng Mai, Hà<br>Nội                     |                                     |                                            | Chị dâu |
| 11 | Vương Thị Hương<br>Giang |                                                      |                                       | 022175000559 cấp ngày<br>15/4/2016 tại Cục cảnh<br>sát ĐKQL và DLQG về | Phòng 0917 sảnh R2B, Royal<br>City 72A Nguyễn Trãi,<br>Thượng Đình Thanh Xuân, |                                     |                                            | Chị dâu |

| TT | Họ tên                                              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                                                 | Địa chỉ liên hệ                                                            | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú                                                 |
|----|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
|    |                                                     |                                                      |                                       | dân cư                                                                                   | Hà Nội                                                                     |                                     |                                            |                                                         |
| 12 | Công ty cổ phần Cơ<br>khí và Khoáng sản Hà<br>Giang |                                                      |                                       | ĐKKD số 5100101762<br>cấp thay đổi lần 7 ngày<br>03/6/2016 tại Sở KHĐT<br>tỉnh Hà Giang  | Số 390 đường Nguyễn Trãi,<br>thành phố Hà Giang, tỉnh Hà<br>Giang          |                                     |                                            | Liên quan<br>ông<br>Phương<br>(Phó Chủ<br>tịch<br>HĐQT) |
| 13 | Công ty cổ phần Xuất<br>nhập khẩu Y tế<br>Domesco   |                                                      |                                       | 1400460395 cấp ngày<br>30/12/2003 tại Sở Kế<br>hoạch và Đầu tư tỉnh<br>Đồng Tháp         | Số 66, quốc lộ 30, Phường<br>Mỹ Phú, Thành phố Cao<br>Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp |                                     |                                            | Liên quan<br>ông<br>Phương (là<br>Chủ tịch<br>HĐQT)     |
| VI | Đào Anh Thắng                                       | 408591                                               | Thành<br>viên<br>HĐQT<br>độc lập,     | 031091001399 cấp ngày<br>27/02/2015 tại Cục cảnh<br>sát ĐKQL Cư trú và<br>DLQG về dân cư | Số 21 Lãn Ông, quận Hồng<br>Bàng, Hải Phòng                                | 161.990                             | 0,138                                      | Người nội<br>bộ                                         |

| TT | Họ tên            | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp       | Địa chỉ liên hệ                          | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú |
|----|-------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|    |                   |                                                      | Chủ tịch<br>UBKT                      |                                                |                                          |                                     |                                            |         |
| 1  | Đào Anh Tuấn      |                                                      |                                       | 030723002 cấp ngày<br>12/11/2007 tại Hải Phòng |                                          |                                     |                                            | Bố đẻ   |
| 2  | Phạm Thị Hải Yến  |                                                      |                                       | 030545314 cấp ngày<br>27/8/2013 tại Hải Phòng  |                                          |                                     |                                            | Mẹ đẻ   |
| 3  | Đào Kim Loan      |                                                      |                                       | 013164768 cấp ngày<br>01/8/2009 tại Hải Phòng  |                                          |                                     |                                            | Chị gái |
| 4  | Nguyễn Anh Thư    |                                                      |                                       | 012691041 cấp ngày<br>01/9/2008 tại Hà Nội     |                                          |                                     |                                            | Vợ      |
| 5  | Đào Anh Minh      |                                                      |                                       | Còn nhỏ                                        |                                          |                                     |                                            | Con đẻ  |
| 6  | Nguyễn Hữu Trường |                                                      |                                       | 011855195 cấp ngày<br>8/12/2011 tại Hà Nội     | Số 27 Cửa Nam, quận Hoàn<br>Kiếm, Hà Nội |                                     |                                            | Bố vợ   |

| TT  | Họ tên           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp      | Địa chỉ liên hệ                                                        | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú         |
|-----|------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|
| 7   | Nguyễn Thu Hương |                                                      |                                       | 011368572 cấp ngày<br>22/8/2008 tại Hà Nội    | Số 27 Cửa Nam, quận Hoàn<br>Kiếm, Hà Nội                               |                                     |                                            | Mẹ vợ           |
| 8   | Hà Mạnh Tuấn     |                                                      |                                       |                                               | Nhà A7/ 369 Trường Chinh,<br>quận Thanh Xuân, Hà Nội                   |                                     |                                            | Anh rể          |
| VII | Nguyễn Văn Thúc  | 001C106050                                           | Phó Tổng<br>GD                        | 031046411 cấp ngày<br>09/5/2011 tại Hải Phòng | Số 4/26 Trần Nguyên Hân,<br>Hải Phòng                                  | 4.075                               | x                                          | Người nội<br>bộ |
| 1   | Phạm Thị Duệ     |                                                      |                                       |                                               | Xã An Đồng, huyện An<br>Dương, thành phố Hải Phòng                     |                                     |                                            | Mẹ đẻ           |
| 2   | Nguyễn Ánh Dương |                                                      |                                       | 031055000996 cấp ngày<br>05/10/2015           | Số 53/157 Đức Giang,<br>phường Thượng Thanh, quận<br>Long Biên, Hà Nội |                                     |                                            | Anh trai        |

| TT | Họ tên                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                                                          | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú  |
|----|--------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|----------|
| 3  | Nguyễn Văn Đông          |                                                      |                                       | 225253731 cấp ngày<br>18/11/2015         | Số 221 đường Phương Sài,<br>phường Phương Sơn, thành<br>phố Nha Trang, tỉnh Khánh<br>Hòa |                                     |                                            | Anh trai |
| 4  | Nguyễn Văn Thương        |                                                      |                                       | 135753159 cấp ngày<br>05/11/2011         | Xã Quất Lưu, huyện Bình<br>Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc                                         |                                     |                                            | Anh trai |
| 5  | Nguyễn Văn Hoạt          | 005C161205                                           |                                       | 030679739 cấp ngày<br>24/12/2010         | Xã An Đồng, huyện An<br>Dương, Hải Phòng                                                 | 92                                  | x                                          | Anh trai |
| 6  | Nguyễn Thị Sinh          |                                                      |                                       | 031157003568 cấp ngày<br>03/4/2018       | Xã An Đồng, huyện An<br>Dương, Hải Phòng                                                 |                                     |                                            | Chị gái  |
| 7  | Nguyễn Thị Chín          |                                                      |                                       | 030865636 cấp ngày<br>25/4/2003          | Xã An Đồng, huyện An<br>Dương, Hải Phòng                                                 |                                     |                                            | Em gái   |
| 8  | Nguyễn Thị Thanh<br>Xuân | 005C166866                                           |                                       | 031172000103 cấp ngày<br>15/7/2014       | Số 4/26 Trần Nguyên Hãn,<br>Hải Phòng                                                    | 164.379                             | 0,139                                      | Vợ       |

| TT | Họ tên           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp      | Địa chỉ liên hệ                                                             | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú |
|----|------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
| 9  | Nguyễn Đức Lương |                                                      |                                       | 031878637 cấp ngày<br>29/4/2011 tại Hải Phòng | Số 67A/580 Trường Chinh,<br>Khuong Thượng, Đống Đa,<br>Hà Nội               |                                     |                                            | Con     |
| 10 | Nguyễn Minh Hạnh |                                                      |                                       | 031304000119 cấp ngày<br>11/6/2018            | Số 4/26 Trần Nguyên Hãn,<br>Hải Phòng                                       |                                     |                                            | Con     |
| 11 | Phạm Thị Vân     |                                                      |                                       | 013201665 cấp ngày<br>28/05/2009              | Số 1/2/30 Trần Nguyễn Hãn,<br>phường Cát Dài, quận Lê<br>Chân, TP Hải Phòng |                                     |                                            | Mẹ vợ   |
| 12 | Nguyễn Thế Khoát |                                                      |                                       | 031053002149 cấp ngày<br>03/04/2018           | Xã An Đồng, huyện An<br>Dương, Thành phố Hải<br>Phòng                       |                                     |                                            | Anh rể  |
| 13 | Phạm Thị Liên    |                                                      |                                       | 030760154 cấp ngày<br>16/09/2004              | Xã An Đồng, huyện An<br>Dương, Thành phố Hải<br>Phòng                       |                                     |                                            | Chị dâu |
| 14 | Nguyễn Văn Thành |                                                      |                                       | 031065001705 cấp ngày<br>21/03/2016           | Xã An Đồng, huyện An<br>Dương, Thành phố Hải<br>Phòng                       |                                     |                                            | Em rể   |
| 15 | Nguyễn Thị Tuyết |                                                      |                                       | 031164001147 cấp ngày                         | Số 53/157 Đức Giang,                                                        |                                     |                                            | Chị dâu |

| TT   | Họ tên            | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp               | Địa chỉ liên hệ                                                                          | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú         |
|------|-------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|
|      |                   |                                                      |                                       | 05/10/2015                                             | phường Thượng Thanh, quận<br>Long Biên, TP Hà Nội                                        |                                     |                                            |                 |
| 16   | Nguyễn Thị Phi    |                                                      |                                       | 225053651 cấp ngày<br>20/02/2017                       | Số 221 đường Phương Sài,<br>phường Phương Sơn, Thành<br>phố Nha Trang, tỉnh Khánh<br>Hòa |                                     |                                            | Chị dâu         |
| VIII | Ngô Thị Thu Thủy  | 008C310071                                           | Phó Tổng<br>GD                        | 031010784 cấp ngày<br>29/3/2010 tại Hải Phòng          | Số 18/46 Lạch Tray, Hải<br>Phòng                                                         | 452                                 | x                                          | Người nội<br>bộ |
| 1    | Phạm Thị Mùi      |                                                      |                                       |                                                        | Số 18/46 Lạch Tray, Hải<br>Phòng                                                         |                                     |                                            | Mẹ đẻ           |
| 2    | Ngô Thị Thu Hương |                                                      |                                       | 125496554 cấp ngày<br>14/5/2009 tại Bắc Ninh           | 240 Lý Thường Kiệt, Thị<br>Cầu, Bắc Ninh                                                 |                                     |                                            | Chị gái         |
| 3    | Ngô Hải Trường    |                                                      |                                       | 031068004892 cấp ngày<br>11/6/2018 tại Cục Cảnh<br>Sát | 59/81 Nguyễn Trãi, Ngô<br>Quyền, Hải Phòng                                               |                                     |                                            | Anh trai        |

| TT | Họ tên           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                | Địa chỉ liên hệ                            | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú |
|----|------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
| 4  | Lưu Văn Toàn     |                                                      |                                       | 031066004272 cấp ngày<br>15/3/2018 tại Cục Cảnh<br>Sát  | Số 18/46 Lạch Tray, Hải<br>Phòng           |                                     |                                            | Chồng   |
| 5  | Lưu Thu Hằng     |                                                      |                                       | 031300001712 cấp ngày<br>12/6/2015 tại Cục Cảnh<br>Sát  | Số 18/46 Lạch Tray, Hải<br>Phòng           |                                     |                                            | Con     |
| 6  | Lưu Đăng Khuê    |                                                      |                                       | 031203002733 cấp ngày<br>07/5/2018 tại Cục Cảnh<br>Sát  | Số 18/46 Lạch Tray, Hải<br>Phòng           |                                     |                                            | Con     |
| 7  | Nguyễn Tiến Hùng | Không có                                             | Không                                 | 125236708 cấp ngày<br>29/11/2018 tại Bắc Ninh           | 240 Lý Thường Kiệt, Thị<br>Cầu, Bắc Ninh   |                                     |                                            | Anh rể  |
| 8  | Vũ Thị Thu Hương | 4026791                                              | Không                                 | 031174003257 cấp ngày<br>26/11/2019 tại Cục Cảnh<br>Sát | 59/81 Nguyễn Trãi, Ngõ<br>Quyền, Hải Phòng |                                     |                                            | Chị dâu |

| TT | Họ tên             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp      | Địa chỉ liên hệ                | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú         |
|----|--------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|
| IX | Trần Nhật Ninh     | 008C310081                                           | Phó Tổng<br>GD                        | 031312539 cấp ngày<br>16/7/2012 tại Hải Phòng | Số 23 Nguyễn Đồn, Hải<br>Phòng | 8.614                               | x                                          | Người nội<br>bộ |
| 1  | Đào Thị Phiến      |                                                      |                                       | 030856690 cấp ngày<br>31/3/2010               | Số 23 Nguyễn Đồn, Hải<br>Phòng |                                     |                                            | Mẹ đẻ           |
| 2  | Trần Quang Sinh    |                                                      | Nhân viên                             | 030856690 cấp ngày<br>31/3/2010               | Số 23 Nguyễn Đồn, Hải<br>Phòng |                                     |                                            | Anh trai        |
| 3  | Đỗ Thị Thủy        | 012C002171                                           | Nhân viên                             | 031412075 cấp ngày<br>03/3/2003 tại Hải Phòng | Số 23 Nguyễn Đồn, Hải<br>Phòng | 59.542                              | 0.05                                       | Vợ              |
| 4  | Trần Bình Minh     |                                                      | Sinh viên                             | 031866276 cấp ngày<br>9/12/2010               | Số 23 Nguyễn Đồn, Hải<br>Phòng |                                     |                                            | Con             |
| 5  | Trần Thảo Huyền    |                                                      | Sinh viên                             | 031301000544 cấp ngày<br>14/11/2018           | Số 23 Nguyễn Đồn, Hải<br>Phòng |                                     |                                            | Con             |
| 6  | Ngô Thị Thanh Hoài |                                                      |                                       | 030773502<br>cấp ngày 18/7/2015               | Số 23 Nguyễn Đồn, HP           |                                     |                                            | Chị dâu         |
| 7  | Đỗ Trọng Thân      |                                                      |                                       | 0310044000494 cấp ngày                        | 26 An Đà, Lạch Tray, HP        |                                     |                                            | Bố vợ           |

| TT | Họ tên                                              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có)                              | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                            | Địa chỉ liên hệ                                                  | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú                                             |
|----|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
|    |                                                     |                                                      |                                                                    | 5/7/2017                                                            |                                                                  |                                     |                                            |                                                     |
| 8  | Vũ Thị Lành                                         |                                                      |                                                                    | 031147001027 cấp ngày<br>5/7/2017                                   | 26 An Đà, Lạch Tray, HP                                          |                                     |                                            | Mẹ vợ                                               |
| 9  | Công ty cổ phần Công<br>nghệ thiết bị Tiên<br>Phong |                                                      |                                                                    | 0200153652 cấp ngày<br>20/07/2017 tại Sở KHĐT<br>TP Hải Phòng       | Số 36 Máy Tơ, phường Máy<br>Tơ, quận Ngô Quyền, TP.<br>Hải Phòng |                                     |                                            | Liên quan<br>ông Ninh<br>(là thành<br>viên<br>HĐQT) |
| X  | Đặng Quốc Minh                                      | 044C222466                                           | Người<br>phụ<br>trách<br>quản trị<br>Công ty,<br>Thư ký<br>Công ty | 031093006642 cấp ngày<br>08/11/2017 cấp tại Công<br>an TP Hải Phòng | Số 55 Văn Cao, Hải Phòng                                         | 4.201.200                           | 3,57                                       | Người nội<br>bộ                                     |
| 1  | Đặng Quốc Dũng                                      | 044C703666                                           | Chủ tịch                                                           | 031068000668 cấp ngày                                               | Số 55 Văn Cao, Hải Phòng                                         | 8.096.335                           | 6,87                                       | Bố đẻ                                               |

| TT | Họ tên              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có)             | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp                         | Địa chỉ liên hệ                                                 | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú         |
|----|---------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|
|    |                     |                                                      | HĐQT                                              | 06/3/2015 tại Hải Phòng                                          |                                                                 |                                     |                                            |                 |
| 2  | Lê Thị Thúy Hải     | 044C702888                                           |                                                   | 030773976 cấp ngày,<br>04/5/2009 tại Hải Phòng                   | Số 55 Văn Cao, Hải Phòng                                        | 8.393.648                           | 7,125                                      | Mẹ đẻ           |
| 3  | Đặng Thị Minh Hương | 044C024568                                           | Thành<br>viên Ban<br>Kiểm<br>toán nội<br>bộ       | 031888457 cấp ngày<br>08/10/2012 cấp tại Công<br>an TP Hải Phòng | Số 05 Lê Ngô Cát, Phường 7,<br>Quận 3, Thành phố Hồ Chí<br>Minh | 2.400.000                           | 2,04                                       | Em gái          |
| XI | Trần Hùng Cường     |                                                      | Người<br>được ủy<br>quyền<br>công bố<br>thông tin | 031070573 cấp ngày<br>29/6/2011 tại Hải Phòng                    | Số 8/140 Nguyễn Hữu Tuệ,<br>Hải Phòng                           |                                     |                                            | Người nội<br>bộ |
| 1  | Trần Văn Ngạn       |                                                      |                                                   | 030706882 cấp ngày<br>10/6/2005 tại Hải Phòng                    | Số 8/140 Nguyễn Hữu Tuệ,<br>Hải Phòng                           |                                     |                                            | Bố đẻ           |

| TT | Họ tên                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp       | Địa chỉ liên hệ                       | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú |
|----|-------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
| 2  | Phạm Thị Thậ            |                                                      |                                       | 031153001320 cấp ngày<br>28/10/2016            | Số 8/140 Nguyễn Hữu Tuệ,<br>Hải Phòng |                                     |                                            | Mẹ đẻ   |
| 3  | Trần Thị Thanh<br>Hương |                                                      |                                       | 031001225 cấp ngày<br>14/6/2013 tại Hải Phòng  | Số 19/82 Vũ Chí Thắng, Hải<br>Phòng   |                                     |                                            | Chị gái |
| 4  | Nguyễn Thị Hoa          |                                                      |                                       | 031151286 cấp ngày<br>25/01/2013 tại Hải Phòng | Số 29/146 Lê Lợi, Hải Phòng           |                                     |                                            | Vợ      |
| 5  | Trần Thị Thùy Dương     |                                                      |                                       | Còn nhỏ                                        | Số 29/146 Lê Lợi, Hải Phòng           |                                     |                                            | Con     |
| 6  | Trần Thị Thùy Nhung     |                                                      |                                       | Còn nhỏ                                        | Số 29/146 Lê Lợi, Hải Phòng           |                                     |                                            | Con     |
| 7  | Trần Nguyễn Minh<br>Anh |                                                      |                                       | Còn nhỏ                                        | Số 29/146 Lê Lợi, Hải Phòng           |                                     |                                            | Con     |
| 8  | Nguyễn Xuân Nhật        |                                                      |                                       | 031051001831 cấp ngày<br>13/05/2020            | Số 33 Hồ Sen, Hải Phòng               |                                     |                                            | Bố vợ   |

182-C  
V  
VIỆN  
3  
HẢI PHÒNG

| TT         | Họ tên                                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại Công<br>ty (nếu<br>có) | Số CMND / Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                     | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ (%) | Ghi chú        |
|------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|
| 9          | Nguyễn Thị Phương                       |                                                      |                                       | 031154004267 cấp ngày<br>13/05/2020      | Số 33 Hồ Sen, Hải Phòng             |                                     |                                            | Mẹ vợ          |
| 10         | Hà Văn Thắng                            |                                                      |                                       | 034075000660 cấp ngày<br>20/11/2014      | Số 19/82 Vũ Chí Thắng, Hải<br>Phòng |                                     |                                            | Anh rể         |
| <b>XII</b> | <b>Các công ty con</b>                  |                                                      |                                       |                                          |                                     |                                     |                                            |                |
| 1          | Công ty TNHH Nhựa<br>TNTP miền Trung    |                                                      |                                       | 2901503027 cấp ngày<br>19/3/2012         | Khu CN Nam Cẩm, tỉnh<br>Nghệ An     |                                     |                                            | Công ty<br>con |
| 2          | Công ty TNHH Bất<br>động sản Tiên Phong |                                                      |                                       | 0201633845 cấp ngày<br>18/5/2015         | Số 02 An Đà, Hải Phòng              |                                     |                                            | Công ty<br>con |

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HĐQT

*Dặng Quốc Dũng*

CHỦ TỊCH HĐQT